

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HS-ST  
Ngày: 19-01-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Thắng.

Ông Nguyễn Đình Quân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1985 tại Hậu Giang (nay là Thành phố Cần Thơ); nơi đăng ký thường trú: khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: **không**; trình độ văn hóa (học vấn): **7/12**; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị T (đã chết); **có 02 con**; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt khi đang bị truy nã ngày 07 tháng 8 năm 2025, đến ngày 08 tháng 8 năm 2025 tạm giữ, đến ngày 12 tháng 8 năm 2025 tạm giam, có mặt.

2. Lê Văn T1, sinh năm 1987 tại Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc M (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2015/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt Lê Văn T1 18 tháng tù về tội Đánh bạc. Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2016/HSST ngày 10 tháng 6 năm 2016 của

Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt Lê Văn T1 03 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản và 01 năm 06 tháng tù về tội Bất người trái pháp luật; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ ngày 04 tháng 12 năm 2024, đến ngày 13 tháng 12 năm 2024 tạm giam, có mặt.

3. Trương Văn K, sinh năm 1968 tại Cà Mau (nay là tỉnh Cà Mau); nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; nơi sinh sống: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh P1 (đã chết) và bà Trần Thị M1 (đã chết); có 05 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2009/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xử phạt Trương Văn K 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2007/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hình phạt chung phải chấp hành là 03 năm 06 tháng tù. Bản án hình sự sơ thẩm số 213/2009/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt Trương Văn K 10 năm tù về tội Cướp tài sản, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2009/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hình phạt chung phải chấp hành là 12 năm 11 tháng 18 ngày; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2007/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xử phạt Trương Văn K 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ ngày 04 tháng 12 năm 2024, đến ngày 13 tháng 12 năm 2024 tạm giam, có mặt.

4. Lê Đại D, sinh năm 1996 tại Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); nơi đăng ký thường trú: ấp E, xã L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Chí D1 và bà Đỗ Thị M2; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ ngày 04 tháng 12 năm 2024, đến ngày 13 tháng 12 năm 2024 tạm giam, có mặt.

5. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1978 tại An Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã T, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Đặng Thị B; có vợ là Nguyễn Thị C2 và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ ngày 04 tháng 12 năm 2024, đến ngày 13 tháng 12 năm 2024 tạm giam, có mặt.

6. Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: số A, khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị Tuyết N2; có 02 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 322/2016/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền Nguyễn Thị Mỹ N1 7.000.000 đồng về tội Đánh

bạc; tiền sự: không; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ ngày 04 tháng 12 năm 2024, đến ngày 13 tháng 12 năm 2024 tạm giam, có mặt.

7. Lê Hồng G, sinh năm 1983 tại Sóc Trăng (nay là Thành phố Cần Thơ); nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã K, Thành phố Cần Thơ; nơi sinh sống: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Lâm Thị N3; có chồng là **Khuu Trung H1** và **03** con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 34/CĐKNCT ngày 07 tháng 11 năm 2025 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 51/2025/HSST-QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

8. Nguyễn Quốc B1, sinh năm 1983 tại Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi sinh sống: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C3 và bà Nguyễn Thị M3; có vợ là Lê Thị Như H2 và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2015/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Quốc B1 03 năm 06 tháng tù về tội Chứa mại dâm; bị cáo tại ngoại (bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35/CĐKNCT ngày 07 tháng 11 năm 2025 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 52/2025/HSST-QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

9. Nguyễn Thanh P2, sinh năm 1984 tại An Giang (nay là tỉnh An Giang); nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã C, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C4** (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Huỳnh Thị Thanh N4 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Thanh P2 20.000.000 đồng về tội Đánh bạc; bị cáo tại ngoại (bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/CĐKNCT ngày 07 tháng 11 năm 2025 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 53/2025/HSST-QĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Khu V, phường A, Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: số B, đường T, phường N, Thành phố Cần Thơ, Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C, có mặt.

*Bị hại:*

1. Bà Lê Hồng G (bị cáo), có mặt.
2. Ông Nguyễn Văn C1 (bị cáo), có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ N1 (bị cáo), có mặt.

4. Bà Lê Thị Cẩm T3, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số A, khu phố H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: ấp L, xã T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Nhà trọ Trương Ngọc L (phòng số 04), tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bà Lê Thị Tuyết N2, sinh năm 1964; nơi cư trú: số A, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. Ông Lê Hữu Đức Đ1, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Ông Lê Gia T4, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Ông Lê Viết H3, sinh năm 1985; nơi cư trú: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

6. Ông Trần Quang T5, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: thôn N, xã D, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

7. Bà Lê Ngọc C5, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị Mỹ N1 chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Hoàng P, Trương Văn K và Nguyễn Căn C6 quen biết nhau.

Hoàng P, N1, K và C6 muốn có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức mua số đề, sau đó thêm hoặc sửa kết quả trên phôi đề tạo kết quả trúng số đề giả nhằm chiếm đoạt tài sản. Khoảng 15 giờ 30 phút trong ngày, Hoàng P sẽ đến nơi ghi đề để mua số đề đài miền N (xổ số vào khoảng 16 giờ 30 phút). Sau đó, Hoàng P yêu cầu N1 ghi thêm phôi đề đài miền B (xổ số vào khoảng 18 giờ 30 phút) đưa cho Hoàng P để tạo điều kiện cho Hoàng P thêm kết quả số trúng vào phôi đề đài miền N đã mua. Đến 16 giờ 30 phút trong cùng ngày, Hoàng P, K và C6 sẽ đến nơi ghi đề dò số. Lúc này, Hoàng P dùng phôi đề đài miền B do N1 chuẩn bị sẵn mua thêm số đề đài miền B để người bán số đề tính tiền số đề mà không chú ý; đồng thời Hoàng P sẽ mượn lại phôi đề đài miền N đã mua từ người bán, thêm số trúng vào phôi đề tạo kết quả trúng số đề giả. Chụp sẽ giả là người báo số đề trúng cho Hoàng P; K giả là người mua số đề

của Hoàng P và đòi tiền trúng số đề mục đích làm cho người bán số đề tin là có số trúng để chiếm đoạt tiền trúng số đề đã thêm vào phôi đề đài miền N. Với thủ đoạn này, Hoàng P, N1, K và C6 đã cùng thực hiện hành vi cụ thể sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2024, Hoàng P, C6, N1 và 01 đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ đến khu vực B để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức mua số đề. Khi đến nơi, Hoàng P chở N1 đến quán C7; còn Hoàng P, C6 và đối tượng không rõ lai lịch gặp K tại quán cà phê gần Chợ đêm Khu Công nghiệp B. Tại đây, Hoàng P, K, C6 và đối tượng này bàn tính việc ghi số đề và lừa đảo chiếm đoạt tài sản. K hỏi ông Lê Viết H3 nơi nào có ghi số đề, ông H3 hỏi ông Trần Quang T5. Ông T5 chỉ đến cửa hàng của Lê Hồng G tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để mua số đề. Sau đó, Hoàng P và đối tượng không rõ lai lịch đến mua số đề của Gám với các phôi đề như sau:

**(1) Phôi đề thứ nhất (đài Vũng Tàu): phôi đề bao lô**

- 78 BL 10: số 78 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 69 BL 10: số 69 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 32 BL 20: số 32 bao lô 20 điểm = 20 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 360.000 đồng.

- 49 BL 10: số 49 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 70 BL 10: số 70 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 30 BL 15: số 30 bao lô 15 điểm = 15 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 270.000 đồng.

- 12 BL 15: số 12 bao lô 15 điểm = 15 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 270.000 đồng.

- 26 BL 10: số 26 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 19 BL 10: số 19 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

- 91 BL 10: số 91 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 = 180.000 đồng.

Gám tính tiền phôi đề thứ nhất bao lô 14 lô nên Hoàng P trả cho G số tiền ghi trên phôi đề là 1.680.000 đồng; số tiền đánh bạc của phôi đề này là 2.160.000 đồng.

**(2) Phôi đề thứ hai: phôi đề bao lô, đầu đuôi**

- 123 BL 5: số 123 bao lô 05 điểm = 05 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 85.000 đồng.

- 930 BL 5: số 930 bao lô 05 điểm = 05 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 85.000 đồng.

- 718 BL 5: số 718 bao lô 05 điểm = 05 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 85.000 đồng.

- 628 BL 10: số 628 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 170.000 đồng.

- 926 BL 10: số 926 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 170.000 đồng.

- 173 BL 10: số 173 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 17 = 170.000 đồng.

- 23 ĐĐ 100: số 23 đầu đuôi 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 30 ĐĐ 200: số 30 đầu đuôi 200 điểm = 200 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 400.000 đồng.

- 28 ĐĐ 300: số 28 đầu đuôi 300 điểm = 300 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 600.000 đồng.

- 26 ĐĐ 100: số 26 đầu đuôi 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 73 ĐĐ 200: số 73 đầu đuôi 200 điểm = 200 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 400.000 đồng.

Gám tính nhằm tiền phơi đề thứ hai nên Hoàng P trả cho G số tiền ghi trên phơi đề là 1.800.000 đồng; số tiền đánh bạc của phơi đề này là 2.565.000 đồng.

### **(3) Phơi đề thứ ba: phơi đề xỉu chủ**

- 319 XC 50: số 319 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 712 XC 100: số 712 xỉu chủ 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 368 XC 270: số 368 xỉu chủ 270 điểm = 270 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 540.000 đồng.

- 918 XC 30: số 918 xỉu chủ 30 điểm = 30 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 60.000 đồng.

- 723 XC 300: số 723 xỉu chủ 300 điểm = 300 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 600.000 đồng.

- 672 XC 50: số 672 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 329 XC 30: số 329 xỉu chủ 30 điểm = 30 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 60.000 đồng.

- 710 XC 30: số 710 xỉu chủ 30 điểm = 30 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 =

60.000 đồng.

- 181 XC 100: số 181 xiu chủ 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 369 XC 270: số 369 xiu chủ 270 điểm = 270 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 540.000 đồng.

- 628 XC 30: số 628 xiu chủ 30 điểm = 30 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 60.000 đồng.

Gám tính nhằm tiền phơi đề thứ ba nên Hoàng P trả cho G số tiền ghi trên phơi đề là 3.060.000 đồng; số tiền đánh bạc của phơi đề này là 2.520.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của ba phơi đề này là 7.245.000 đồng; tổng số tiền ghi trên ba phơi đề và Hoàng P đưa cho G là 6.540.000 đồng. Gám chụp hình lại ba phơi đề, rồi Hoàng P giữ lại ba phơi đề giấy.

Sau khi mua số đề xong, Hoàng P cùng với C6 đến quán C7 để gặp N1. Hoàng P yêu cầu N1 ghi thêm phơi đề đài miền B để tạo điều kiện cho Hoàng P lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G. Đến 16 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2024, Hoàng P, K, C6 và đối tượng không rõ lai lịch gặp G dùng thủ đoạn thêm, sửa số trúng xiu chủ vào phơi đề để chiếm đoạt tài sản của Gám. Sau đó, Hoàng P báo cho G phơi đề trúng số 560 xiu chủ với số tiền là 153.900.000 đồng. Chụp điện thoại cho Hoàng P báo có số trúng xiu chủ. K đóng vai là người mua số đề của Hoàng P đòi tiền Hoàng P để lừa Gám tin là có số trúng. Gám dò lại ba phơi đề đã chụp hình lại nhưng không có số 560, vì G nghĩ rằng phơi đề Gám chụp hình lại có nếp gấp, Gám chụp hình chưa đầy đủ nên G đồng ý trả tiền trúng số đề cho Hoàng P. Do G không đủ tiền trả nên đối tượng không rõ lai lịch dẫn Gám đi bán vàng tại tiệm V1 (khu phố B, thị trấn L) được 42.750.000 đồng. Đối tượng không rõ lai lịch yêu cầu chuyển vào tài khoản tại Ngân hàng M4, số tài khoản 97090790799999, chủ tài khoản LE NGOC CHAN rồi chở G về lại nhà. Sau khi lấy được 42.750.000 đồng, Hoàng P và K quay lại quán cà phê trước đó gần Chợ Đ3. Hoàng P yêu cầu C6 tiếp tục đến gặp G để lấy tiền. Hoàng P chỉ cho C6 chỗ ở của G và đưa C6 01 xe mô tô (không rõ biển số và chủ sở hữu) để C6 đi đến nhà G. Khi đến nhà G, G hỏi C6 “anh đến lấy tiền số phải không”, C6 trả lời là đúng. Gám nói “anh chở em lại tiệm vàng để em đưa tiền”. Sau đó, G tự lên xe của C6 rồi chỉ cho C6 chạy đến tiệm V2 (khu phố B, thị trấn L). Đến nơi, C6 dừng xe trước tiệm vàng, G vào bán vàng được 9.900.000 đồng đưa C6. Chụp lấy 9.000.000 đồng, cho lại cho G 900.000 đồng rồi chở G về nhà. Tổng số tiền G bị chiếm đoạt 51.750.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt, Hoàng P chia cho N1 4.000.000 đồng, C6 2.500.000 đồng, K 7.000.000 đồng, số tiền còn lại Hoàng P và đối tượng không rõ lai lịch giữ.

Sau khi mua số đề cho Hoàng P, Gám gửi hình chụp ba phơi đề trên qua zalo cho B1 để bán lại cho B1, B1 đồng ý mua với giá 6.540.000 đồng, trừ 360.000 đồng tiền hoa hồng, G đã chuyển khoản số tiền còn lại là 6.180.000 đồng cho B1 vào ngày 20 tháng 11 năm 2024. B1 tiếp tục gửi hình chụp ba phơi đề trên qua zalo cho Thanh P2 để bán lại cho Thanh P2, Thanh P2 đồng ý mua với giá

5.380.000 đồng, B1 đã chuyển khoản 5.380.000 đồng cho Thanh P2 vào ngày 20 tháng 11 năm 2024. Kết quả xổ số đài Vũng Tàu ngày 19 tháng 11 năm 2024 thì không có số nào trúng. Như vậy, số tiền đánh bạc của Hoàng P, G, B1 và Thanh P2 là 7.245.000 đồng. Gám thu lợi bất chính 360.000 đồng, B1 thu lợi bất chính 800.000 đồng, Thanh P2 thu lợi bất chính 5.380.000 đồng. Hành vi của Hoàng P, G, B1 và Thanh P2 đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, Lê Đại D được một người bạn tên Đ2 (không rõ họ tên, địa chỉ) kể lại bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đánh bạc gian lận là ghi số đề sửa số trúng tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau đó, D đến tìm gặp Lê Văn T1 để nhờ T1 cùng gài bẫy bắt giữ, đánh cảnh cáo nhóm lừa đảo này, T1 đồng ý. Qua tìm hiểu, T1 biết K là người trong nhóm lừa đảo. T1 đề nghị K dẫn dụ nhóm chơi đánh bạc gian lận đến mua số đề tại nhà T1 thuộc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương để Tâm gài cảnh bắt giữ, đánh cảnh cáo và giao Công an xử lý. Do K đang có mâu thuẫn với nhóm nên đồng ý. K nói với T1 đánh ít thôi vì đánh nhiều bị truy tố, T1 đồng ý.

Sáng ngày 02 tháng 12 năm 2024, K điện thoại báo cho T1 biết là K đã sắp xếp xong và sẽ dẫn nhóm đánh bạc gian lận gồm Hoàng P và C6 đến nhà T1 mua số đề. T1 thông báo cho D đến nhà T1, phân công Danh đợi để bán số đề cho nhóm người do K dẫn đến; T1 yêu cầu D bán số đề theo các phôi đề nhóm Hoàng P mua, không giới hạn số tiền. Khoảng 14 giờ ngày 02 tháng 12 năm 2024, C6 thuê xe ô tô Toyota Vios biển số 61K-284.28 chở Hoàng P, K, N1 và bà Lê Thị Cẩm T3 đi đến nhà T1. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, K dẫn Hoàng P và C6 đến nhà T1 gặp D để mua số đề. Tại đây, Hoàng P đưa cho D ba phôi đề miền N đài Thành phố Hồ Chí Minh. Danh cầm ba phôi đề ghi vào quyển tập bìa màu vàng và tính tiền mua bán số đề như sau:

**(1) Phôi đề thứ nhất: phôi đề bao lô**

- 18 - BL 10: số 18 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng.

- 20 - BL 10: số 20 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng.

- 32 - BL 15: số 32 bao lô 15 điểm = 15 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 270.000 đồng.

- 61 - BL 15: số 61 bao lô 15 điểm = 15 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 270.000 đồng.

- 30 - BL 10: số 30 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng.

- 11 - BL 10: số 11 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng.

- 28 - BL 20: số 28 bao lô 20 điểm = 20 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = **360.000 đồng.**

- 69 - BL 10: số 69 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô =

180.000 đồng.

- 78 - BL 10: số 78 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng

- 87 - BL 10: số 87 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô = 180.000 đồng.

- Hoàng P còn mua thêm hai số đề (ghi trực tiếp vào tập ghi chép của D mà không ghi lên phoi đề), cụ thể: số 39 và 40 BL 10: số 39 và 40 bao lô 10 điểm = 10 điểm x 1.000 đồng/điểm x 18 lô x 2 = 360.000 đồng.

Số tiền đánh bạc của phoi đề thứ nhất là **2.520.000** đồng. Do D chỉ tính tiền trên 14 lô nên số tiền ghi trên phoi đề là 1.680.000 đồng; Hoàng P mua thêm hai số 39 và 40 là 280.000 đồng; tổng số tiền Hoàng P trả cho D là 1.960.000 đồng.

### **(2) Phoi đề thứ hai: phoi đề xỉu chủ**

- 318 XC 100: số 318 xỉu chủ 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 926 XC 50: số 926 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 309 XC 550: số 309 xỉu chủ 550 điểm = 550 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 1.100.000 đồng.

- 720 XC 50: số 720 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 932 XC 100: số 932 xỉu chủ 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

- 178 XC 80: số 178 xỉu chủ 80 điểm = 80 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 160.000 đồng.

- 787 XC 500: số 787 xỉu chủ 500 điểm = 500 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 1.000.000 đồng.

- 912 XC 50: số 912 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 168 XC 50: Số 168 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 311 XC 50: số 311 xỉu chủ 50 điểm = 50 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 100.000 đồng.

- 423 XC 100: số 423 xỉu chủ 100 điểm = 100 điểm x 1.000 đồng/điểm x 2 = 200.000 đồng.

Số tiền đánh bạc của phoi đề thứ hai là 3.360.000 đồng. Do Danh tính nhầm nên D yêu cầu Hoàng P trả số tiền ghi trên phoi đề là 4.260.000 đồng; Hoàng P trả và không thắc mắc gì.

### **(3) Phoi đề thứ ba: phoi đề đầu đuôi**

- 23 - 100: số 23 đầu đuôi 100 điểm = (100 điểm x 1.000 đồng/điểm) x 2 = 200.000 đồng.

- 32 - 100: số 32 đầu đuôi 100 điểm =  $(100 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 200.000 \text{ đồng}$ .

- 10 - 50: số 10 đầu đuôi 50 điểm =  $(50 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 100.000 \text{ đồng}$ .

- 18 - 200: số 18 đầu đuôi 200 điểm =  $(200 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 400.000 \text{ đồng}$ .

- 81 - 100: số 81 đầu đuôi 100 điểm =  $(100 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 200.000 \text{ đồng}$ .

- 29 - 50: số 29 đầu đuôi 50 điểm =  $(50 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 100.000 \text{ đồng}$ .

- 32 - 50: số 32 đầu đuôi 50 điểm =  $(50 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 100.000 \text{ đồng}$ .

- 70 - 100: số 70 đầu đuôi 100 điểm =  $(100 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 200.000 \text{ đồng}$ .

- 30 - 50: số 30 đầu đuôi 100 điểm =  $(50 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 100.000 \text{ đồng}$ .

- 19 - 100: số 19 đầu đuôi 100 điểm =  $(100 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 200.000 \text{ đồng}$ .

- 60 - 200: số 60 đầu đuôi 200 điểm =  $(200 \text{ điểm} \times 1.000 \text{ đồng/điểm}) \times 2 = 400.000 \text{ đồng}$ .

Số tiền đánh bạc của phơi đề thứ ba được ghi trên phơi đề là 2.200.000 đồng. Hoàng P phải trả cho D 2.200.000 đồng.

Tổng số tiền ba phơi đề Hoàng P phải trả cho D là 8.420.000 đồng; D cho Hoàng P 20.000 đồng, D chỉ lấy số tiền 8.400.000 đồng. Hoàng P trả cho D tiền mặt 7.400.000 đồng và chuyển khoản 1.000.000 đồng.

Sau khi Hoàng P đánh đề xong, Hoàng P, K, C6, N1 và T3 đến quán cà phê gần nhà T1 đợi kết quả xổ số đài miền N. Hoàng P yêu cầu N1 ghi thêm một phơi đề đài miền B, đợi đến giờ xổ số đài miền N để mua thêm số đề đài miền B nhằm giành cảnh lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi bán số đề xong, D thông báo cho T1, T1 rủ thêm hai đối tượng là Tuấn T6 và em Tuấn T6 (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà T1 để bắt giữ H, C6, N1 và T3. Tại nhà T1, T1 phân công Danh đợi nhóm của Hoàng P, Tuấn T6 ở trong phòng, T1 và em Tuấn T6 ở phía sau nhà; khi nhóm của Hoàng P đến sửa kết quả trên phơi đề xong thì la lớn cho cả nhóm T1, D, Tuấn T6 và em Tuấn T6 bắt giữ nhóm của Hoàng P.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02 tháng 12 năm 2024, Hoàng P, K và C6 cùng quay lại nhà T1 để thực hiện hành vi sửa phơi đề; N1 và T3 ngồi ngoài xe ô tô chờ. Hoàng P đưa cho C6 một phơi đề miền B do N1 đã ghi để C6 tiếp tục mua số đề đài miền B, mục đích để Danh tính tiền mua số đề không chú ý đến H. Hoàng P mượn lại ba phơi đề đài miền N đã mua của D để dò kết quả xổ số và thực hiện hành vi thêm hoặc sửa phơi đề. N1 gọi nói số trúng xỉu chủ là số nào thì

C6 thông báo với D về số trúng, đồng thời Hoàng P thêm số trúng do N1 thông báo vào phôi đề đài miền N. Khi Hoàng P thực hiện xong hành vi thêm số 805 XC 500 vào phôi đề xổ chủ và báo trúng thì T1 cùng D, Tuấn T6 và em Tuấn T6 bắt giữ K và C6, còn Hoàng P nhanh chóng bỏ trốn. Khỏi được đưa ra sau nhà T1, C6 bị giữ ở phía trước nhà, T1 dùng 01 gậy bóng chày màu đen hình trụ có chiều dài 70,5cm đánh vào hông, bụng và lưng (*thương tích 00%*). T1 yêu cầu D đi tìm Hoàng P, D đi cùng Tuấn T6 và em Tuấn T6 mang theo dao và gậy gỗ đi tìm. Khi phát hiện N1 và T3 đang ngồi ở hàng ghế sau xe ô tô đỗ gần nhà T1, D cùng với Tuấn T6 và em T4 theo mở hai cánh cửa sau đe dọa, bắt giữ N1 và T3; D trực tiếp điều khiển xe ô tô này chở N1 và T3 về nhà T1, Tuấn T6 và em Tuấn T6 đi xe mô tô theo sau. Khi về nhà T1, D thu giữ điện thoại của N1, yêu cầu N1 và T3 ngồi yên ở bàn ghế đá, không được sử dụng điện thoại; lúc này T1 đang dùng thanh kim loại đánh C6; N1 và T3 xin T1 đừng đánh C6 và đề nghị gọi Công an đến giải quyết. Đến 17 giờ 04 phút cùng ngày, T1 mới gọi điện thoại cho Công an xã L.

Trong lần đánh bạc vào ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hoàng P và D: kết quả xổ số miền N đài Thành phố Hồ Chí Minh có số 32 trúng bao lô 1.050.000 đồng, số 61 trúng bao lô 1.050.000 đồng, đầu đuôi 32 trúng 7.000.000 đồng và đầu đuôi 32 trúng 3.500.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc **20.680.000 đồng**. Tiền thu lợi bất chính của D là 8.400.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; người bào chữa cho bị cáo Hoàng P, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo. Bị hại bà T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, truy tố không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như sau: bị cáo Hoàng P đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Đánh bạc; bị cáo T1 và D đủ yếu tố cấu thành tội Bắt, giữ người trái pháp luật và tội Đánh bạc; bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Bắt, giữ người trái pháp luật; bị cáo C6 và N1 đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo G, B1 và Thanh P2 đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

Về các vấn đề khác của vụ án:

**(1) Các tài sản, đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm:** 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03s, màu xanh, số Imel 1: 358452980552104; số Imel 2: 359488420552105 của B1 (bút lục 1000a); 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu vàng gold, số I: 35390310 210543 2 của C6 (bút lục 06); 01 điện thoại di động ZTE Blade A33 + màu đen, số Imel 1: 862052060106885; số Imel 2: 862052060122783 của K (bút lục 08); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, số Imel 1: 863197065184616, số Imel 2: 863197065184608, đã qua sử dụng của Gấm (bút lục 09); 01 điện thoại di động Iphone 11 màu trắng, số Imel: 35 656110 727630 6 của T1 (bút lục 11); 01 điện thoại di động Iphone X

màu vàng gold, số I: 356165092958819 và 7.400.000 đồng của D (bút lục 13); 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu vàng gold, số I: 35 389510 117572 3 của N1 (bút lục 15); thu giữ tại nhà của T1 (bút lục 15): **các** phoi đề gồm 03 tờ giấy ô ly chứa các số đề đài Thành phố Hồ Chí Minh được ghim thành một tập; 01 phoi đề là 01 tờ giấy ô ly chứa các số đề đài Hà Nội; 01 quyển vở ô ly màu vàng hiệu Thiên Long bên trong chứa các nội dung ghi số đề; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: VIOS, biển kiểm soát: 61K-284.28; 01 gậy bóng chày màu đen hình trụ có kích thước chiều dài 70,5cm; 01 con dao có cán bằng gỗ có kích thước chiều dài 47cm (lưỡi dao 33,5 cm, cán dao 13,5 cm).

Theo các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B: ngày 16 tháng 3 năm 2025 vợ của C6 là bà Nguyễn Thị C2 giao nộp 2.500.000 đồng (bút lục 666); ngày 20 tháng 3 năm 2025 mẹ của N1 là bà Lê Thị Tuyết N2 giao nộp 4.000.000 đồng (bút lục 667); ngày 01 tháng 5 năm 2025 Thanh Phong giao nộp 5.380.000 đồng (bút lục 668); ngày 14 tháng 3 năm 2025 B1 giao nộp 800.000 đồng (bút lục 669) và G giao nộp 360.000 đồng (bút lục 670).

Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 18 tháng 12 năm 2025, bị cáo Hoàng P có đơn xin nộp tiền khắc phục hậu quả. Ngày 23 tháng 12 năm 2025, bị cáo Hoàng P đã nộp số tiền 10.000.000 đồng.

## (2) Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội là các điện thoại di động nêu trên của B1, C6, K, G, T1, D và N1.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng: 01 gậy bóng chày màu đen hình trụ có chiều dài 70,5cm; 01 con dao có cán bằng gỗ dài 47 cm (lưỡi dài 33,5 cm, cán dao 13,5 cm), đã qua sử dụng.

03 phoi đề chứa các số đề đài Thành phố Hồ Chí Minh, 01 phoi đề chứa các số đề đài Hà Nội và 01 quyển vở ô ly màu vàng hiệu Thiên Long bên trong chứa các nội dung ghi số đề: lưu trong hồ sơ vụ án.

Xe ô tô Toyota Vios biển số 61K-284.28: do ông Lê Hữu Đức Đ1 đứng tên chủ xe (bút lục 678); con ông Đ1 là ông Lê Gia T4 đứng tên hộ kinh doanh cho thuê xe ô tô (bút lục 676), là bên cho thuê ký Hợp đồng thuê xe ngày 02 tháng 12 năm 2024 với bên thuê là Chụp (bút lục 677). Khi thuê xe ô tô này, C6 thế chấp lại xe mô tô biển số 67AC-147.65 do C6 đứng tên chủ xe (bút lục 675). Ngày 08 tháng 01 năm 2025, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ1 và ông T4 (bút lục 672).

Số tiền thu lợi bất chính của D là 8.400.000 đồng, G là 360.000 đồng, B1 là 800.000 đồng và Thanh P2 là 5.380.000 đồng: đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. D đã nộp 7.400.000 đồng, buộc D phải tiếp tục nộp số tiền 1.000.000 đồng.

### (3) Về trách nhiệm dân sự:

Gấm bị chiếm đoạt số tiền 51.750.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng P, K, C6, N1 và G cùng thống nhất thỏa thuận: Gấm chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Gấm tổng số tiền 45.812.500 đồng, trong đó bị cáo Hoàng P, C6 và N1 mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho G là 12.937.500 đồng; riêng bị cáo K có trách nhiệm bồi thường cho G là 7.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo Hoàng P đã nộp 10.000.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gấm 2.937.500 đồng; bị cáo C6 đã nộp 2.500.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gấm 10.437.500 đồng; bị cáo N1 đã nộp 4.000.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gấm 8.937.500 đồng.

Bị cáo C6 và N1, bị hại T3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

(4) Đối tượng không rõ lai lịch cùng với bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G; hai đối tượng T4 theo và em T4 theo không rõ lai lịch cùng với bị cáo T1, D và K thực hiện hành vi bắt, giữ người trái pháp luật: cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có kết quả sẽ xử lý sau.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra đầu tháng 11 năm 2024 do các bị cáo khai nhận chưa xác định được bị hại: cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có kết quả sẽ xử lý sau.

Ông T5 và ông H3 có hành vi chỉ nơi ghi số đề nhưng không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo, không hưởng lợi ích và không tham gia ghi số đề nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bà Lê Ngọc C5 cho đối tượng không rõ lai lịch mượn tài khoản để sử dụng nhưng không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Bà T3 không biết bị cáo Hoàng P đánh bạc và không tham gia đánh bạc nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Hoàng P, C6 và N1 ngày 02 tháng 12 năm 2024 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Hoàng P, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà C2 và bà N2 không có ý kiến hay khiếu nại gì về các vấn đề nêu trên. Bị hại T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố không ai có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS19 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

(1) Bị cáo Hoàng Phong về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

(2) Bị cáo T1 và D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

(3) Bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

(4) Bị cáo C6 và N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

(5) Bị cáo G, B1 và Thanh P2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Về mức hình phạt:

- Bị cáo Hoàng P:

Áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt chung bị cáo Hoàng P phải chấp hành từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Bị cáo T1:

Áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt chung bị cáo T1 phải chấp hành từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo K:

Áp dụng điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm c, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 03 năm đến 3 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề

ngiht mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt chung bị cáo K phải chấp hành từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Bị cáo D:

Áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 10 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt chung bị cáo D phải chấp hành từ 02 năm 10 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo C6: áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo N1: áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo G: áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo B1: áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Thanh P2: áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị mức hình phạt từ 10 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

(2) Về xử lý vật chứng: như trên.

(3) Về trách nhiệm dân sự: như trên.

Tại phiên tòa:

(1) Bị cáo Hoàng P không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên.

(2) Người bào chữa cho bị cáo Hoàng P trình bày: đồng ý với Cáo trạng. Bị cáo Hoàng P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát chưa xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định một hình phạt

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo Hoàng P. Đề nghị cân nhắc xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, điều luật không quy định loại trừ trường hợp bị truy nã. Tại phần xét hỏi cũng thể hiện rõ, thời điểm xảy ra sự việc ngày 02 tháng 12 năm 2024 do xung đột nhiều, bị cáo Hoàng P bỏ chạy và không biết mình bị truy nã. Theo Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao V/v trao đổi nghiệp vụ, phạm tội Đánh bạc 02 lần là không thỏa đáng. Tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có quy định hình phạt chính là phạt tiền, đề nghị xem xét ưu tiên áp dụng hình phạt tiền sung công đối với bị cáo Hoàng P, tạo điều kiện để bị cáo sớm về với gia đình, cha già, con nhỏ.

(3) Bị cáo T1 và K và C6 không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Với tư cách là bị hại, bị cáo C6 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1, K và D.

(4) Bị cáo D: bị cáo xin phạt tiền đối với tội Đánh bạc. Đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật, ban đầu bị cáo không tranh luận gì, sau đó bị cáo xin phạt tiền. Tuy nhiên khi đọc kỹ lại mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự, bị cáo không xin phạt tiền nữa. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ bị cáo bị bệnh tim.

(5) Bị cáo N1: bị cáo đồng ý với quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo xin đại diện Viện kiểm sát và Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được nhận lại điện thoại di động của bị cáo vì bị cáo không có sử dụng vào việc phạm tội ngày 19 tháng 11 năm 2024. Điện thoại này có hình ảnh con của bị cáo từ nhỏ đến nay, bị cáo dùng bán hàng online. Với tư cách là bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1, K và D.

(6) Bị cáo G không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Với tư cách là bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1.

(7) Bị cáo B1: bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo đã sai lầm; xin giảm nhẹ để bị cáo về đi làm nuôi con nhỏ.

(8) Bị cáo Thanh P2: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, con bị cáo bị u não, mẹ bị cáo bệnh già.

(9) Kiểm sát viên đối đáp:

Đối với bị cáo Hoàng P: Viện kiểm sát đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt phù hợp. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên đây chỉ là điều kiện để xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tùy tình huống, tính chất mức độ của vụ án. Viện kiểm sát đề nghị không xem xét vì bị cáo bị bắt truy nã, phạm tội Đánh bạc 02 lần.

Đối với bị cáo D, Viện kiểm sát đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo N1 xin được nhận lại điện thoại di động: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả điện thoại cho bị cáo N1. Vì sau khi các bị cáo thực hiện xong hành vi phạm tội ngày 19 tháng 11 năm 2024, bị cáo chỉ sử dụng điện thoại để rước bị cáo P, vai trò giúp sức của bị cáo không tích cực.

Bị cáo B1 có nhân thân xấu; bị cáo Thanh P2 đã bị xử phạt tiền về tội Đánh bạc, nay lại tiếp tục đánh bạc; cần xử lý nghiêm hai bị cáo.

(10) Người bào chữa cho bị cáo Hoàng P trình bày: không đồng ý với Kiểm sát viên; giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

(11) Bị cáo Hoàng P: bị cáo biết sai, xin Viện kiểm sát xử nhẹ, bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng:

(1) Bị cáo Hoàng P: bị cáo rất ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ già 80 tuổi, con nhỏ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo N1.

(2) Bị cáo T1: bị cáo sai trái pháp luật, xin hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm về với con bị cáo.

(3) Bị cáo K: bị cáo xin Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm về nuôi vợ bị cáo bệnh.

(4) Bị cáo D: xin xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm về lo cho cha mẹ.

(5) Bị cáo C6: bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo thiếu học thức.

(6) Bị cáo N1: trong thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo nhận thức sai, bị cáo thành khẩn, ăn năn. Xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ có hành vi giúp sức, hiện mẹ bị cáo phải lo cho hai con nhỏ, hai vợ chồng bị cáo bị bắt, xin xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm về lo cho hai con nhỏ.

(7) Bị cáo G: xin phạt tiền nhẹ vì bị cáo còn lo cho con.

(8) Bị cáo B1: bị cáo xin phạt tiền hoặc hưởng án treo; bị cáo phải đi làm và nuôi các con nhỏ.

(9) Bị cáo Thanh P2: mẹ và con bị cáo bị bệnh, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin phạt tiền hoặc hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị hại T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đ1, ông T4, ông H3, ông T5 và bà C5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận:

[2.1] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Hoàng P, G, B1 và Thanh P2 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số đề đài Vũng Tàu với số tiền đánh bạc là **7.245.000 đồng** (các bị cáo không trúng số đề). Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo G là 360.000 đồng, B1 là 800.000 đồng, Thanh P2 là 5.380.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2024, bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 đã dùng thủ đoạn gian dối thêm số trúng 560 vào phôi đề tạo kết quả trúng số đề giả để chiếm đoạt số tiền 51.750.000 đồng của G. Bị cáo Hoàng P chia cho bị cáo K 7.000.000 đồng, bị cáo C6 2.500.000 đồng và bị cáo N1 4.000.000 đồng; số tiền còn lại bị cáo Hoàng P và đối tượng không rõ lai lịch giữ.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại nhà bị cáo T1 thuộc ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Hoàng P, T1 và D đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số đề đài Vũng Tàu với số tiền đánh bạc là **20.680.000 đồng (phát hiện sau khi có kết quả xổ số, các bị cáo trúng đề số 32 và 61)**. Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo D là 8.400.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại nhà bị cáo T1, bị cáo T1, D, K cùng hai đối tượng không rõ lai lịch T4 theo và em T4 theo đã có hành vi bắt, giữ trái pháp luật đối với C6, N1 và T3.

[2.2] Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản Cáo trạng và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Hoàng P cùng các đồng phạm là bị cáo K, C6 và N1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trị giá 51.750.000 đồng. Bị cáo T1 cùng các đồng phạm là bị cáo D và K phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật, thuộc trường hợp phạm tội đối với 02 người trở lên. Bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Hoàng P cùng các đồng phạm là bị cáo G, B1 và Thanh P2 phạm tội Đánh bạc vào ngày 19 tháng 11 năm 2024; cùng các đồng phạm là bị cáo T1 và D phạm tội Đánh bạc vào ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Cáo trạng truy tố bị cáo Hoàng P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo T1 và D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 và tội “Đánh bạc” theo

khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo C6 và N1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo G, B1 và Thanh P2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Gấm được pháp luật bảo vệ.

Đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật: hành vi phạm tội của các bị cáo T1, K và D có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân là các bị hại C6, N1 và T3.

Đối với tội Đánh bạc: hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng P, G, B1, P, T1 và D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác.

Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, các bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 đã dùng thủ đoạn gian dối thêm số trúng vào phôi đề đài miền N để lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Gấm số tiền 51.750.000 đồng. Ý thức chiếm đoạt của các bị cáo có trước thời điểm giao tài sản (tiền trúng số đề) giữa bị hại với các bị cáo. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo với tính chất đồng phạm: Hoàng P với vai trò chính, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; K và C6 với vai trò giúp sức tích cực, C6 báo số trúng cho Hoàng P và chở bị hại đi bán vàng để lấy tiền, K giả người mua số đề của Hoàng P đòi tiền trúng số đề; N1 giúp sức với vai trò không đáng kể, không đi cùng các bị cáo và ghi phôi đề đài miền B khi Hoàng P yêu cầu. Hành vi phạm tội của các bị cáo là liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Các bị cáo Hoàng P, G, B1, Thanh P2, T1 và D vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số đề được thua bằng tiền. Các bị cáo biết rõ đây là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo B1 và Thanh P2 có nhân thân xấu, bị cáo B1 bị xử phạt tù về tội Chứa mại dâm năm 2015, bị cáo Thanh P2 bị xử phạt tiền về tội Đánh bạc năm 2020. Dù bị cáo B1 và Thanh P2 đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích nhưng hai bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp

tục vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo Thanh P2 lại tiếp tục đánh bạc, điều này thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật.

Các bị cáo T1 và D khi biết nhóm bị cáo Hoàng P đánh bạc gian lận để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lẽ ra các bị cáo phải thực hiện tố giác về tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, các bị cáo T1, D và K lại cùng nhau bàn bạc, dẫn dụ, dùng hành vi vi phạm pháp luật là ghi số đề để bắt, giữ và đánh nhóm lừa đảo ngay khi Hoàng P ghi thêm số trúng 805 (XC 500) vào phôi đề đài miền N. Vai trò đồng phạm của các bị cáo như sau: D nhờ T1 cùng gài bẫy bắt, giữ và đánh cảnh cáo nhóm lừa đảo. T1 yêu cầu K dẫn dụ nhóm Hoàng P đến nhà T1 để mua số đề, phân công Danh bán số đề, rủ thêm hai đối tượng Tuấn T6, em Tuấn T6 cùng T1 và D thực hiện bắt giữ K và C6 (H trốn thoát). T1 trực tiếp đánh C6 (thương tích 00%). D cùng Tuấn T6 và em T4 Thợ đe dọa, bắt giữ N1 và T3, điều khiển xe ô tô chở N1 và T3 về nhà T1, thu giữ điện thoại của N1, yêu cầu N1 và T3 ngồi yên ở bàn ghế đá, không cho sử dụng điện thoại.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đối với từng tội danh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Bị cáo Hoàng P:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội Đánh bạc 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Bị cáo T1:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.3] Bị cáo K:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là con của liệt sĩ theo điểm s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: áp dụng đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.4] Bị cáo D:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.5] Bị cáo C6:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.6] Bị cáo N1:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hai con nhỏ, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.7] Bị cáo G:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, bị cáo có một con nhỏ, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.8] Bị cáo B1:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, có ông bà nội là người có công cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.9] Bị cáo Thanh P2:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, mẹ và con bị cáo bị bệnh nặng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hoàng P: việc xem xét, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần phải hạn chế và phải hết sức chặt chẽ. Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, sau khi bị phát hiện bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt truy nã; hai lần đánh bạc của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, ý kiến người bào chữa là không có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo B1 và Thanh P2 xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo Hoàng P, T1, K, D, N1, G và B1 tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị cáo C6 và Thanh P2, xét tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị là đã bảo đảm được mục đích của hình phạt, không chỉ nhằm trừng trị mà còn giáo dục đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

[9.1] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo Hoàng P, K, C6, N1 và G tại phiên tòa về việc bồi thường thiệt hại như sau: tổng số tiền Gấm yêu cầu các bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 bồi thường thiệt hại là 45.812.500 đồng, trong đó: bị cáo Hoàng P có trách nhiệm bồi thường cho G là

12.937.500 đồng (bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gám 2.937.500 đồng). Bị cáo K có trách nhiệm bồi thường cho G là 7.000.000 đồng. Bị cáo C6 có trách nhiệm bồi thường cho G là 12.937.500 đồng (bị cáo đã nộp 2.500.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gám 10.437.500 đồng). Bị cáo N1 có trách nhiệm bồi thường cho G là 12.937.500 đồng (bị cáo đã nộp 4.000.000 đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho Gám 8.937.500 đồng).

[9.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà C2 và bà N2 không yêu cầu gì, C6, N1 và bị hại T3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Xe ô tô Toyota Vios biển số 61K-284.28 đã trả lại cho ông Đ1 và ông T4, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] 03 phoi đề chứa các số đề đài Thành phố Hồ Chí Minh, 01 phoi đề chứa các số đề đài Hà Nội và 01 quyển vở ô ly màu vàng hiệu Thiên Long bên trong chứa các nội dung ghi số đề đã được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện phạm tội là các điện thoại di động đã qua sử dụng của bị cáo T1, K, D, C6, G và B1.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện phạm tội 01 gây bóng chày màu đen hình trụ và 01 con dao có cán bằng gỗ (đã qua sử dụng).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: tiền đánh bạc của bị cáo D là 8.400.000 đồng (bị cáo đã nộp 7.400.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục nộp 1.000.000 đồng); tiền thu lợi bất chính của bị cáo G là 360.000 đồng, B1 là 800.000 đồng và Thanh P2 số tiền 5.380.000 đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho điện thoại di động đã qua sử dụng cho bị cáo N1 do không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

[11] Hành vi của đối tượng không rõ lai lịch, đối tượng T4 theo và em T4 theo: cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có kết quả sẽ xử lý sau.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra đầu tháng 11 năm 2024 do chưa xác định được bị hại: cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có kết quả sẽ xử lý sau.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Hoàng P, C6 và N1 ngày 02 tháng 12 năm 2024; **hành vi của ông T5, ông H3, bà C5 và bà T3: không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.**

[12] Về án phí: bị cáo Hoàng P, K, C6 và N1 phải chịu hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo T1, D, G, B1 và Thanh P2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 321, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt chung bị cáo Nguyễn Hoàng P phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2025.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt chung bị cáo Lê Văn T1 phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 174, điểm đ khoản 2 Điều 157, điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn K 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Hình phạt chung bị cáo Trương Văn K phải chấp hành là 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Đại D phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Đại D 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt chung bị cáo Lê Đại D phải chấp hành 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng G phạm tội “Đánh bạc”.

Phạt tiền bị cáo Lê Hồng G 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh P2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P2 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo Nguyễn Hoàng P, Trương Văn K, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị Mỹ N1 và Lê Hồng G như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng P có trách nhiệm bồi thường cho Lê Hồng G 12.937.500 đồng (mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền khắc phục hậu quả đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu

đồng) theo các biên lai thu tiền số 0012245 ngày 23 tháng 12 năm 2025 và số 0012262 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H, bị cáo Nguyễn Hoàng P phải tiếp tục bồi thường cho Lê Hồng G 2.937.500 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo Trương Văn K có trách nhiệm bồi thường cho Lê Hồng G 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn C1 có trách nhiệm bồi thường cho Lê Hồng G 12.937.500 đồng (mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền khắc phục hậu quả đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Văn C1 phải tiếp tục bồi thường cho Lê Hồng G 10.437.500 đồng (mười triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N1 có trách nhiệm bồi thường cho Lê Hồng G 12.937.500 đồng (mười hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền khắc phục hậu quả đã nộp là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N1 phải tiếp tục bồi thường cho Lê Hồng G 8.937.500 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*(Giấy nộp tiền ngày 22 tháng 12 năm 2025 vào tài khoản Thi hành án dân sự Thành phố H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N5, Chi nhánh B2, Phòng G1).*

### [3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03s, màu xanh, số Imel 1: 358452980552104; số Imel 2: 359488420552105 (đã qua sử dụng) và 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Quốc B1.

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu vàng gold, số I: 35390310 210543 2 (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Văn C1; 01 điện thoại di động ZTE Blade A33+ màu đen, số Imel 1: 862052060106885; số Imel 2: 862052060122783 (đã qua sử dụng) của bị cáo Trương Văn K; 01 điện thoại di động Iphone 11 màu trắng, số Imel: 35 656110 727630 6 (đã qua sử dụng) của bị cáo Lê Văn T1.

- 01 điện thoại di động Iphone X màu vàng gold, số Imel: 356165092958819 (đã qua sử dụng) và 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Lê Đại D. Buộc bị cáo Lê Đại D phải tiếp tục nộp ngân sách nhà nước 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, số Imel 1: 863197065184616, số Imel 2: 863197065184608 (đã qua sử dụng) và 360.000 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Hồng G.

- 5.380.000 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thanh P2.

Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy bóng chày màu đen hình trụ có chiều dài 70,5cm (đã qua sử dụng); 01 con dao có cán bằng gỗ có tổng chiều dài 47cm, lưỡi dài 33,5 cm, cán dao 13,5 cm (đã qua sử dụng).

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ N1 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu trắng, số I: 35 389510 117572 3 (đã qua sử dụng).

*(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền ngày 22 tháng 12 năm 2025 vào tài khoản Thi hành án dân sự Thành phố H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N5, Chi nhánh B2, Phòng G1).*

#### [4] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị Mỹ N1: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 646.875 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn T1, Lê Đại D, Lê Hồng G, Nguyễn Quốc B1 và Nguyễn Thanh P2: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyên**